

Số: /2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 46/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 101/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quy định mật độ chăn nuôi

Quy định mật độ chăn nuôi của tỉnh An Giang đến năm 2030 là 1.0 đơn vị vật nuôi/héc ta.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông Nghiệp và Môi trường

a) Theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện quy định này ở các địa phương; chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem, xét điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

b) Tổ chức hướng dẫn các chính sách về đất đai cho các tổ chức, cá nhân thuê đất phát triển chăn nuôi phù hợp với quy định này.

2. Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan, căn cứ quy định này để xem xét, trình cấp thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, hỗ trợ các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Căn cứ quy định mật độ chăn nuôi của tỉnh để xác định quy mô chăn nuôi, đồng thời triển khai các chương trình, dự án, kế hoạch và chính sách phát triển chăn nuôi tại địa phương cho phù hợp.

b) Hướng dẫn, thẩm định các chương trình, dự án, kế hoạch và chính sách đầu tư chăn nuôi tại địa phương theo thẩm quyền.

c) Tổ chức tuyên truyền quy định này cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi tại địa phương.

d) Hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi đúng quy định pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi đúng theo quy định pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 02 năm 2026.

2. Các quyết định sau đây hết hiệu lực từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

b) Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Website: Chính phủ, An Giang;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và
Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cục Chăn nuôi và Thú y - Bộ NNMT;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUBND tỉnh: Lãnh đạo VP, P.KT;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, hmdon.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thúc